

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN CÀ MAU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 613000035 ngày 21 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 04 năm 2014 với mã số doanh nghiệp: 2000105020.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 là 97.485.790.000 VND.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Bùi Nguyên Khánh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Khánh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Đức	Thành viên
Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Huy	Thành viên
Ông Huỳnh Nhật Vũ	Thành viên
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Huỳnh Văn Út	Trưởng ban
Ông Đặng Chiến Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Viết Luận	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Bùi Nguyên Khánh	Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Tàn Hoài	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

6. KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng nợ ngắn hạn của Tập đoàn vượt quá tài sản ngắn hạn là 149.239.653.527 đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục tài trợ, hỗ trợ của các chủ đầu tư, ngân hàng và khách hàng trong tương lai. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính năm 2015 Tổng Giám đốc Tập đoàn tin rằng Tập đoàn vẫn hoạt động liên tục trong tương lai do tình hình kinh doanh của Tập đoàn đến nay vẫn đang tiến triển tốt, các nguồn vốn vay vẫn được Ngân hàng giải ngân cũng như thanh toán các khoản nợ đến hạn cho Ngân hàng bình thường. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Tập đoàn tiếp tục hoạt động liên tục.

Cà Mau, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÙI NGUYỄN KHÁNH

Số: 16.399HN/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 21 tháng 03 năm 2016 từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh 4.24 trong báo cáo tài chính về khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn vượt quá tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 149,2 tỷ đồng. Vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0425-2014-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



HUỲNH THỊ NGỌC TRINH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 2124-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		220.660.284.971	212.851.247.521
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	4.236.948.460	5.663.406.763
1. Tiền	111		4.236.948.460	3.663.406.763
2. Các khoản tương đương tiền	112			2.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.571.537.963	48.445.259.121
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.2)	38.758.958.611	44.026.107.009
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(5.2)	3.106.151.717	2.077.689.154
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.3)	3.804.079.674	3.449.444.918
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.4)	(1.097.652.039)	(1.107.981.960)
III. Hàng tồn kho	140	(5.5)	169.611.029.422	155.703.616.682
1. Hàng tồn kho	141		169.611.029.422	155.703.616.682
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.240.769.126	3.038.964.955
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.6)	434.276.890	491.812.849
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	(5.12)	1.794.230.086	1.868.709.247
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(5.12)	12.262.150	678.442.859
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		208.386.826.877	209.936.858.239
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		186.222.750	1.075.307.100
1. Phải thu dài hạn khác	216	(5.3)	186.222.750	1.075.307.100
II. Tài sản cố định	220		203.916.617.187	203.747.923.757
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.7)	190.040.313.398	190.101.829.379
Nguyên giá	222		297.930.879.842	292.266.808.023
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(107.890.566.444)	(102.164.978.645)
2. Tài sản cố định vô hình	227	(5.8)	13.876.303.789	13.646.094.379
Nguyên giá	228		14.985.776.729	14.755.567.319
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.109.472.940)	(1.109.472.940)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	(5.9)	1.290.732.168	2.070.830.491
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.290.732.168	2.070.830.491
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.993.254.772	3.042.796.891
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.6)	2.993.254.772	3.042.796.891
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		429.047.111.848	422.788.105.761

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		419.691.980.202	439.420.481.736
I. Nợ ngắn hạn	310		369.955.951.118	389.684.452.652
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.11)	27.220.738.418	14.280.478.408
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	(5.11)	410.365.715	4.201.898.436
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.12)	105.165.845	102.425.554
4. Phải trả người lao động	314	(5.13)	5.209.986.184	5.592.146.914
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.14)	74.345.293.216	72.879.117.936
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.15)	5.064.419.376	7.059.118.285
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.10)	256.905.687.014	284.372.770.342
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.16)	694.295.350	1.196.496.777
II. Nợ dài hạn	330		49.736.029.084	49.736.029.084
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(5.10)	49.736.029.084	49.736.029.084
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		9.355.131.646	(16.632.375.975)
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.17.1)	8.582.500.630	(17.439.459.216)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.17.2)	97.485.790.000	97.485.790.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.569.156.929	4.569.156.929
3. Cổ phiếu quỹ	415		(18.676.666.000)	(18.676.666.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		430.569.377	350.936.037
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(68.122.904.295)	(94.065.230.801)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(94.736.470.799)	(94.065.230.801)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.613.566.504	
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(7.103.445.381)	(7.103.445.381)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		772.631.016	807.083.241
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		772.631.016	807.083.241
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		429.047.111.848	422.788.105.761

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cà Mau, ngày 21 tháng 03 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN TRỌNG TÀI

NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG

BÙI NGUYỄN KHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		590.157.914.920	795.172.390.393
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11.934.318.992	7.654.139.336
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	578.223.595.928	787.518.251.057
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	504.652.096.150	699.741.607.799
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		73.571.499.778	87.776.643.258
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	3.145.344.649	1.749.804.481
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	17.990.842.151	29.659.524.460
Trong đó, chi phí lãi vay	23		12.908.513.725	12.663.864.316
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	(6.5)	23.808.370.545	26.755.723.408
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.6)	10.458.368.930	13.418.285.397
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.459.262.801	19.692.914.475
12. Thu nhập khác	31	(6.7)	3.251.588.721	3.758.733.834
13. Chi phí khác	32	(6.8)	956.344.307	8.846.919.580
14. Lợi nhuận khác	40		2.295.244.414	(5.088.185.746)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.754.507.215	14.604.728.729
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.10)	140.940.711	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.613.566.504	14.604.728.729
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		26.613.566.504	16.708.482.308
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			(2.103.753.579)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.17.4)	2.910	1.597
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(5.17.4)	2.910	1.597

Cà Mau, ngày 21 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



TRẦN TRỌNG TÀI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÙI NGUYỄN KHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26.754.507.215	14.604.728.729
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		6.325.420.542	14.345.218.204
Các khoản dự phòng	03		(10.329.921)	(1.247.065.905)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(234.844.851)	136.834.022
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(761.577.242)	15.544.117.827
Chi phí lãi vay	06		12.908.513.725	12.663.864.316
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước	08		44.981.689.468	56.047.697.193
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.484.106.333	48.963.824.213
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(13.907.412.740)	(34.939.323.617)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		8.185.963.475	(18.000.811.195)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		107.078.078	526.304.714
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.908.513.725)	(16.597.604.135)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(30.000.000)	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(647.425.000)	(927.514.375)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.265.485.889	35.072.572.797
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.598.822.849)	(4.522.728.487)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		280.000.000	359.509.090
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			24.567.285.489
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		608.220.854	221.348.600
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.710.601.995)	20.625.414.692

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		926.887.480.785	1.327.414.228.170
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(953.695.068.628)	(1.379.569.542.462)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(26.807.587.843)	(52.155.314.292)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(1.252.703.949)	3.542.673.197
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.663.406.763	1.988.431.623
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(173.754.354)	132.301.943
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		4.236.948.460	5.663.406.763

Cà Mau, ngày 21 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRẦN TRỌNG TÀI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÙI NGUYỄN KHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 613000035 ngày 21 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 04 năm 2014 với mã số doanh nghiệp: 2000105020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 97.485.790.000 VND, được chi tiết như sau:

Cổ đông	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Công ty chứng khoán Bảo Việt	9.750.000.000	10,00%	9.750.000.000	10,00%
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	-	-	7.920.000.000	8,12%
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	10.825.000.000	11,10%	9.825.000.000	10,08%
Ông Bùi Nguyên Khánh	7.800.000.000	8,00%	7.800.000.000	8,00%
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	6.000.000.000	6,15%	6.000.000.000	6,15%
Ông Huỳnh Nhật Vũ	5.704.570.000	5,85%	5.704.570.000	5,85%
Bà Bùi Phan Hoàng Anh	6.778.540.000	6,95%	5.778.540.000	5,93%
Các cổ đông khác	44.599.160.000	45,77%	38.679.160.000	39,68%
Cổ phiếu quỹ	6.028.520.000	6,18%	6.028.520.000	6,18%
Cộng	97.485.790.000	100,00%	97.485.790.000	100,00%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.

Công ty có đầu tư vào hai công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

Tên	Địa chỉ
Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới	Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi	Khóm 4, Thị trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau
Xí nghiệp chế biến thủy sản Sông Đốc	Khu vực 4, Thị trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời, Tỉnh Cà Mau
Trạm thu mua hàng thủy sản Đầm Dơi II	Ấp Vàm Đầm, Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 864 (31/12/2014: 883 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản xuất khẩu.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu;
- Khai thác thủy sản biển;
- Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Tập đoàn

Vào đầu năm 2015, Tập đoàn được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và hai công ty con trực tiếp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

1.6. Số lượng các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
Công ty Cổ phần Thủy sản An Phước	Tổ 5, Ấp Thanh Thủy, Xã An Phước, Huyện Mang Thít, Tỉnh Vĩnh Long	75,00%	83,05%
Seaprimexco, USA. INC	200 S.San Pedro, Suite 200, Los Angeles, CA 90012 - 5306, Hoa Kỳ	100,00%	100,00%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Tập đoàn đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

4.1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua/bán ngoại tệ.

4.2 Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Tập đoàn áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính để soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

Do đó, Tập đoàn đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.23.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

4.3 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.6 Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.7 Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần không quá 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ dần từ 02 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2015

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 20 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 15 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
+ Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 09 năm

4.10 Tài sản cố định vô hình

Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế bao gồm giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Khóm 7, Phường 8, Thành phố Cà Mau và tại Ấp Thanh Thủy, Xã An Phước, Huyện Mang Thít, Tỉnh Vĩnh Long.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm máy vi tính là 08 năm.

4.11 Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.12 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí lãi vay, cước tàu phải trả, tiền thuê kho và chi phí phải trả khác được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

4.13 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Tập đoàn đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tắt toán trong năm 2012.

4.14 Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho từng năm.

4.15 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

4.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.18 Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

4.19 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.21 Thuế***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Đối với Xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới:

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 sửa đổi, bổ sung Khoản 1a, Điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013, xí nghiệp chế biến thủy sản Mặt Hàng Mới hoạt động ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nên thuế suất thuế TNDN là 10% trong suốt thời gian hoạt động.

Đối với Xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi và Sông Đốc

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 sửa đổi, bổ sung Điểm e, Khoản 3, Điều 19 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013, xí nghiệp chế biến thủy sản Đầm Dơi và Sông Đốc hoạt động ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn thuế TNDN.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế suất sau:

▪ Xuất khẩu	0%
▪ Tôm, cá tươi đông lạnh ở khâu kinh doanh thương mại	5%
▪ Các hàng hóa dịch vụ khác	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

4.22 Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

4.23 Số liệu so sánh

Như trình bày tại mục 4.2, từ năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Do ảnh hưởng của việc áp dụng các hướng dẫn trong thông tư này nên để bảo đảm tính so sánh của các số liệu, một vài số liệu của bảng cân đối hợp nhất ngày 31/12/2014, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 đã được điều chỉnh lại, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (trích):

	VND	
	Đầu năm	Đầu năm
	Được báo cáo lại	Đã được báo cáo trước đây
Phải thu ngắn hạn khác	3.449.444.918	3.177.738.918
Tài sản ngắn hạn khác	-	271.706.000
Phải thu dài hạn khác	1.075.307.100	-
Tài sản dài hạn khác	-	1.075.307.100
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	807.083.241
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	807.083.241	-
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	(94.065.230.801)	(101.168.676.182)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(7.103.445.381)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (trích):

VND

	Năm trước	Năm trước
	Được báo cáo lại	Đã được báo cáo trước đây
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	16.708.482.308	14.604.728.729
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(2.103.753.579)	-

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (trích):

VND

	Năm trước	Năm trước
	Được báo cáo lại	Đã được báo cáo trước đây
Tăng, giảm các khoản phải trả	(18.000.811.195)	(18.700.811.195)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	700.000.000

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Tên chỉ tiêu	TT200	CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Tạm ứng	Trình bày là phải thu ngắn hạn khác	Trình bày là tài sản ngắn hạn khác
Dòng tiền từ nhận ký quỹ, ký cược	Trình bày là tăng, giảm các khoản phải trả	Trình bày là tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con	Khoản lỗ vượt trội cũng như bất kỳ các khoản lỗ thêm nào khác được tính giảm vào phần lợi ích của cổ đông đa số.

4.24 Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng nợ ngắn hạn của Tập đoàn vượt quá tài sản ngắn hạn là 149.239.653.527 đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục tài trợ, hỗ trợ của các chủ đầu tư, ngân hàng và khách hàng trong tương lai. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính năm 2015 Tổng Giám đốc Tập đoàn tin rằng Tập đoàn vẫn hoạt động liên tục trong tương lai do tình hình kinh doanh của Tập đoàn đến nay vẫn đang tiến triển tốt, các nguồn vốn vay vẫn được Ngân hàng giải ngân cũng như thanh toán các khoản nợ đến hạn cho Ngân hàng bình thường. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Tập đoàn tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	676.340.074	246.660.456
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.560.608.386	3.416.746.307
Các khoản tương đương tiền	-	2.000.000.000
Cộng	<u>4.236.948.460</u>	<u>5.663.406.763</u>

5.2. Phải thu của khách hàng và trả trước cho người bán

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:		
Premier Marine Canada INC.	29.718.970.556	28.022.275.756
Blue Sea Products L.L.C	2.633.385.000	-
Phải thu các khách hàng khác	6.406.603.055	16.003.831.253
Cộng	<u>38.758.958.611</u>	<u>44.026.107.009</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Prince Residence	2.338.634.604	1.411.234.279
Trả trước cho người bán khác	767.517.113	666.454.875
Cộng	<u>3.106.151.717</u>	<u>2.077.689.154</u>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

5.3. Phải thu khác

		VND		
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	183.459.089	-	271.706.000	-
Thuế GTGT hàng tạm nhập, tái xuất	298.671.905	-	-	-
Phải thu khác của An Phước theo các biên bản giải quyết việc thi hành án	2.017.371.500		2.017.371.500	
Phải thu khác	1.304.577.180	-	1.160.367.418	-
Cộng	3.804.079.674	-	3.449.444.918	-
Dài hạn:				
Ký quỹ, ký cược	186.222.750	-	1.075.307.100	-
Cộng	186.222.750	-	1.075.307.100	-

5.4. Nợ xấu

				VND	
		Cuối năm	Đầu năm		
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu và trả trước cho người bán quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi					
	1.097.652.039	-	1.107.981.960		

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì những khoản nợ này là của các đối tượng đã quá hạn thanh toán.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, trả trước người bán quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

VND						
	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Fotouri GMHB	546.903.261	-	Trên 3 năm	546.903.261	-	Trên 3 năm
Công ty Nha Trang Seafood	238.961.792	-	Trên 3 năm	238.961.792	-	Trên 3 năm
Đối tượng khác	311.786.986	-	Trên 3 năm	322.116.907	-	Trên 3 năm
Cộng	1.097.652.039	-		1.107.981.960	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

5.5. Hàng tồn kho**VND**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.217.549.723	-	3.356.147.481	-
Công cụ, dụng cụ	1.374.677.129	-	827.614.404	-
Thành phẩm	165.018.802.570	-	151.519.854.797	-
Cộng	169.611.029.422	-	155.703.616.682	-

5.6. Chi phí trả trước**VND**

	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ	72.605.893	142.031.020
Khác	361.670.997	349.781.829
Cộng	434.276.890	491.812.849

	Cuối năm	Đầu năm
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ	1.603.184.345	2.915.397.099
Chi phí sửa chữa tài sản	1.390.070.427	127.399.792
Cộng	2.993.254.772	3.042.796.891

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON
Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

5.7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	VND Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	107.433.170.415	170.946.701.431	9.302.613.514	129.453.916	4.454.868.747	292.266.808.023
Mua trong năm	-	947.662.000	84.260.000	-	33.000.000	1.064.922.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	497.836.696	3.929.941.484	963.466.127	-	154.545.455	5.545.789.762
Thanh lý, nhượng bán	-	(426.184.724)	(487.984.560)	-	(38.069.520)	(952.238.804)
Tăng khác	-	-	-	-	5.598.861	5.598.861
Số dư cuối năm	107.931.007.111	175.398.120.191	9.862.355.081	129.453.916	4.609.943.543	297.930.879.842
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm	21.630.100.495	72.316.839.714	6.283.856.969	129.453.916	1.804.727.551	102.164.978.645
Khấu hao trong năm	1.495.068.669	4.574.933.550	417.365.539	-	47.342.932	6.534.710.690
Thanh lý, nhượng bán	-	(426.184.724)	(361.340.948)	-	(38.069.520)	(825.595.192)
Tăng khác	-	-	-	-	16.472.301	16.472.301
Số dư cuối năm	23.125.169.164	76.465.588.540	6.339.881.560	129.453.916	1.830.473.264	107.890.566.444
Giá trị còn lại:						
Tại ngày đầu năm	85.803.069.920	98.629.861.717	3.018.756.545	-	2.650.141.196	190.101.829.378
Tại ngày cuối năm	84.805.837.947	98.932.531.651	3.522.473.521	-	2.779.470.279	190.040.313.398

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình Công ty và Công ty cổ phần Thủy sản An Phước đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 5.10.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 25.257.990.264 VND.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang chờ thanh lý là 149.265.100.481 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

5.8. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

			VND
Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	14.633.015.319	122.552.000	14.755.567.319
Đầu tư XDCB hoàn thành	230.209.410	-	230.209.410
Số dư cuối năm	<u>14.863.224.729</u>	<u>122.552.000</u>	<u>14.985.776.729</u>

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số dư đầu năm	986.920.940	122.552.000	1.109.472.940
Số dư cuối năm	<u>986.920.940</u>	<u>122.552.000</u>	<u>1.109.472.940</u>

Giá trị còn lại:

Tại ngày đầu năm	13.646.094.379	-	13.646.094.379
Tại ngày cuối năm	<u>13.876.303.789</u>	<u>-</u>	<u>13.876.303.789</u>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 122.552.000 VND.

5.9. Tài sản dở dang dài hạn

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:		
Quyền sử dụng đất tại Ấp Thanh Thủy, Xã An Phước, Huyện Mang Thít, Tỉnh Vĩnh Long	-	229.129.410
Đầu tư hệ thống lạnh băng chuyền hấp	1.152.718.182	-
Xây dựng cơ bản dở dang khác	138.013.986	1.841.701.081
Cộng	<u>1.290.732.168</u>	<u>2.070.830.491</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

5.10. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Ngắn hạn							
Công ty mẹ:							
Vay ngắn hạn ngân hàng bằng VND	140.023.892.963	140.023.892.963	401.009.155.899	384.287.728.227	123.302.465.291	123.302.465.291	
Vay ngắn hạn cá nhân bằng VND	4.150.000.000	4.150.000.000	4.280.000.000	4.680.000.000	4.550.000.000	4.550.000.000	
Vay ngắn hạn ngân hàng bằng USD	38.562.365.000	38.562.365.000	521.598.324.886	563.642.835.886	80.606.876.000	80.606.876.000	
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	1.744.000.000	1.744.000.000	1.744.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy sản An Phước – Công ty con:							
Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Sài Gòn bằng VND	24.326.206.130	24.326.206.130	-	-	24.326.206.130	24.326.206.130	
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng TMCP Sài Gòn	49.843.222.921	49.843.222.921	-	-	49.843.222.921	49.843.222.921	
Cộng	256.905.687.014	256.905.687.014	926.887.480.785	954.354.564.113	284.372.770.342	284.372.770.342	
Dài hạn – Công ty Cổ phần Thủy sản An Phước – Công ty con:							
Vay dài hạn ngân hàng TMCP Sài Gòn bằng VND	49.736.029.084	49.736.029.084	-	-	49.736.029.084	49.736.029.084	
Cộng	49.736.029.084	49.736.029.084	-	-	49.736.029.084	49.736.029.084	

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Trong đó, vay ngắn hạn cá nhân bằng VND đối với các bên liên quan là 1.350.000.000 VND – Xem thêm mục 7.

Vay ngắn hạn bằng VND là các khoản vay có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 7%/năm đến 33%/năm, được bảo đảm bằng tài sản cố định của Tập đoàn – Xem thêm mục 5.7.

Vay ngắn hạn bằng USD là các khoản vay có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 4%/năm đến 12,75%/năm, được bảo đảm bằng tài sản cố định của Tập đoàn – Xem thêm mục 5.7.

Vay dài hạn ngắn hạn là các khoản vay có thời hạn từ 5 năm đến 7 năm, với lãi suất từ 10,5% đến 31,5%/năm, các khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định của Tập đoàn – Xem thêm mục 5.7.

Theo thông báo số 615/TB-SCB-CNVL.14 ngày 25 tháng 09 năm 2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Chi nhánh Vĩnh Long (SCB) đã bán khoản nợ vay của Công ty Thủy sản An Phước cho Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC). Theo đó, SCB được ủy quyền thay mặt VAMC thực hiện việc xử lý và thu hồi khoản nợ của Công ty Cổ phần Thủy sản An Phước.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:					
DNTN Toàn Tươi	3.912.101.700	3.912.101.700	43.554.100	43.554.100	
Công ty TNHH TM&DV Ngân Phúc	2.771.296.000	2.771.296.000	1.693.983.500	1.693.983.500	
DNTN Thủy Sản Ngọc Nguyên	2.761.951.496	2.761.951.496	84.840.400	84.840.400	
Phải trả cho các đối tượng khác	17.775.389.222	17.775.389.222	12.458.100.408	12.458.100.408	
Cộng	27.220.738.418	27.220.738.418	14.280.478.408	14.280.478.408	

Người mua trả tiền trước ngắn hạn:

Công ty TNHH MTV TM Thủy Sản Ngọc Quý	400.000.000	400.000.000	-	-	
QL Foods Sdn Bhd	-	-	3.526.033.600	3.526.033.600	
Đối tượng khác	10.365.715	10.365.715	675.864.836	675.864.836	
Cộng	410.365.715	410.365.715	4.201.898.436	4.201.898.436	

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm		VND
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp	
Thuế giá trị gia tăng	1.868.709.247	-	9.011.989.552	8.937.510.391	1.794.230.086	-	
Thuế TNDN	678.442.859	-	696.180.709	30.000.000	12.262.150	-	
Thuế thu nhập cá nhân	-	88.576.344	170.545.321	164.755.563	-	94.366.102	
Các loại thuế khác	-	13.849.210	853.493.086	856.542.553	-	10.799.743	
Cộng	2.547.152.106	102.425.554	10.732.208.668	9.988.808.507	1.806.492.236	105.165.845	

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

5.13. Phải trả người lao động

Là lương tháng 12 phải trả người lao động.

5.14. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Chi phí lãi vay	71.560.168.842	71.560.168.842
Cước tàu phải trả	1.597.060.848	376.000.000
Tiền thuê kho	509.270.967	354.550.000
Các khoản trích trước khác	678.792.559	588.399.094
Cộng	74.345.293.216	72.879.117.936

Chi phí lãi vay là khoản lãi vay phải trả của công ty Cổ phần Thủy sản An Phước – Công ty con tính đến 31/12/2014 còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn (SCB) đã được bán lại cho Công ty Quản lý Tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) – Xem thêm mục 5.12.

5.15. Phải trả khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Phải trả khác tiền thu từ hoạt động xe tải	184.247.276	120.993.450
Phải trả Công ty Oceanic Fishery	-	1.030.624.000
Phải trả Công ty TNHH MTV Nam mỹ	1.000.000.000	1.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	700.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.880.172.100	4.207.500.835
Cộng	5.064.419.376	7.059.118.285

5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Quỹ khen thưởng	463.660.175	703.360.175
Quỹ phúc lợi	174.622.555	471.598.982
Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành Tập đoàn	56.012.620	21.537.620
Cộng	694.295.350	1.196.496.777

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

5.17. Vốn chủ sở hữu

5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu							VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	97.485.790.000	33.020.472.000	(18.676.666.000)	327.515.686	(4.999.691.803)	(175.857.549.365)	(68.700.129.482)
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(2.103.753.578)	16.708.482.307	14.604.728.729
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi báo cáo công ty con ở nước ngoài	-	-	-	23.420.351	-	-	23.420.351
Bù trừ lỗ lũy kế	-	(28.451.315.071)	-	-	-	28.451.315.071	-
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	(126.000.000)	(126.000.000)
Hoàn nhập dự phòng đầu tư	-	-	-	-	-	40.692.261.006	40.692.261.006
Chi phí lãi vay khoản đầu tư các năm trước	-	-	-	-	-	(3.933.739.820)	(3.933.739.820)
Số dư đầu năm nay	97.485.790.000	4.569.156.929	(18.676.666.000)	350.936.037	(7.103.445.381)	(94.065.230.801)	(17.439.459.216)
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	26.613.566.504	26.613.566.504
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi báo cáo công ty con ở nước ngoài	-	-	-	79.633.340	-	-	79.633.340
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(116.000.000)	(116.000.000)
Thuế TNDN bổ sung năm 2014	-	-	-	-	-	(555.239.998)	(555.239.998)
Số dư cuối năm nay	97.485.790.000	4.569.156.929	(18.676.666.000)	430.569.377	(7.103.445.381)	(68.122.904.295)	8.582.500.630

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

5.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty chứng khoán Bảo Việt	9.750.000.000	9.750.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	-	7.920.000.000
Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	10.825.000.000	9.825.000.000
Ông Bùi Nguyên Khánh	7.800.000.000	7.800.000.000
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	6.000.000.000	6.000.000.000
Ông Huỳnh Nhật Vũ	5.704.570.000	5.704.570.000
Bà Bùi Phan Hoàng Anh	6.778.540.000	5.778.540.000
Các cổ đông khác	44.599.160.000	38.679.160.000
Cổ phiếu quỹ	6.028.520.000	6.028.520.000
Cộng	97.485.790.000	97.485.790.000

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, các cổ đông Tập đoàn đã góp đủ 100% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

5.17.3. Cổ phiếu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.748.579	9.748.579
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.748.579	9.748.579
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	602.852	602.852
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.145.727	9.145.727

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

5.17.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	26.613.566.504	14.604.728.729
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm của Công ty mẹ	9.145.727	9.145.727
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.910	1.597

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

5.17.5. Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	(94.065.230.801)	(175.857.549.365)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	26.613.566.504	16.708.482.307
Trích lập quỹ	(116.000.000)	(126.000.000)
Bù trừ lỗ lũy kế từ thặng dư vốn cổ phần	-	28.451.315.071
Hoàn nhập dự phòng đầu tư dài hạn khác	-	40.692.261.006
Chi phí lãi vay khoản đầu tư các năm trước	-	(3.933.739.820)
Thuế TNDN bổ sung 2014	(555.239.998)	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	<u>(68.122.904.295)</u>	<u>(94.065.230.801)</u>

Lỗ chưa phân phối cuối năm được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Lợi nhuận lũy kế công ty mẹ	1.901.952.626	642.818.276
Phần lỗ lũy kế Công ty Cổ phần Thủy sản An Phước phân bổ	(109.798.066.858)	(109.798.066.858)
Phần lỗ lũy kế Seaprimexco, USA. INC	(6.524.990.124)	(6.505.812.080)
Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào An Phước	45.000.000.000	22.500.000.000
Hoàn nhập dự phòng phải thu khác từ An Phước	2.202.370.200	-
Lãi nội bộ trong tài sản cố định	(904.170.139)	(904.170.139)
Tổng cộng	<u>(68.122.904.295)</u>	<u>(94.065.230.801)</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu xuất khẩu	558.370.213.871	763.053.566.599
Doanh thu tiêu thụ nội địa	30.137.967.941	32.021.240.603
Doanh thu bán vật tư	1.649.733.108	83.968.181
Các khoản giảm trừ doanh thu	(11.934.318.992)	(7.640.524.326)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>578.223.595.928</u>	<u>787.518.251.057</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	503.094.610.499	699.538.559.482
Giá vốn của vật tư đã bán	1.557.485.651	203.048.317
Cộng	<u>504.652.096.150</u>	<u>699.741.607.799</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	153.029.038	43.264.844
Lãi thu từ đầu tư hoạt động xe tải	455.191.816	178.083.756
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.302.278.944	1.528.455.881
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	234.844.851	-
Cộng	<u>3.145.344.649</u>	<u>1.749.804.481</u>

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	12.908.513.725	12.663.864.316
Lỗ do chuyển nhượng vốn	-	16.124.975.517
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.082.328.426	733.850.605
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	136.834.022
Cộng	<u>17.990.842.151</u>	<u>29.659.524.460</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	703.480.219	136.193.561
Chi phí cước tàu, vận chuyển	10.420.252.763	13.783.858.817
Chi phí hàng mẫu cho khách hàng	64.325.532	65.241.626
Chi phí ngân hàng	1.498.812.677	1.422.968.714
Chi phí xuất hàng	1.261.949.112	968.646.340
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	2.749.471.368	3.113.647.658
Chi phí hoa hồng	1.193.944.785	1.898.167.144
Chi phí bằng tiền khác	5.916.134.089	5.366.999.548
Chi phí thuê kho	2.822.263.584	2.245.082.250
Chi phí khác	3.093.870.505	3.121.917.298
Cộng	23.808.370.545	26.755.723.408

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.602.021.897	5.497.112.350
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	859.451.680	726.458.986
Chi phí đồ dùng văn phòng	189.594.933	241.840.055
Chi phí khấu hao tài sản cố định	241.604.131	445.588.436
Thuế, phí và lệ phí	253.102.304	388.679.904
Chi phí công tác	806.453.530	1.164.030.403
Chi phí dự phòng	(10.329.921)	76.038.613
Chi phí dịch vụ mua ngoài	608.157.697	1.018.457.403
Chi phí bằng tiền khác	2.908.312.679	3.860.079.247
Chi phí thuê đất	718.717.442	186.422.282
Khác	2.189.595.237	3.673.656.965
Cộng	10.458.368.930	13.418.285.397

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

6.7. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	153.356.388	359.509.090
Thu tiền bán vật tư, phế liệu, đầu vỏ tôm	1.446.499.864	1.693.845.857
Thu nhập do xử lý hàng thừa sau kiểm kê	1.028.028.848	-
Thu nhập khác	623.703.621	1.705.378.887
Cộng	<u>3.251.588.721</u>	<u>3.758.733.834</u>

6.8. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao, phân bổ tài sản, công cụ	-	7.838.491.513
Tiền phạt, truy thu thuế	159.452.082	201.586.326
Tiền mua đầu vỏ tôm	319.952.246	-
Các khoản chi phí khác	476.939.979	806.841.741
Cộng	<u>956.344.307</u>	<u>8.846.919.580</u>

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	459.770.628.123	673.569.244.431
Chi phí nhân công	50.283.322.289	53.721.382.627
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.325.420.542	6.799.674.442
Chi phí dự phòng	(10.329.921)	76.038.613
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.462.420.829	21.090.327.000
Chi phí khác bằng tiền	18.604.016.421	20.501.236.887
Cộng	<u>552.435.478.283</u>	<u>775.757.904.000</u>

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	140.940.711	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>140.940.711</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ phần Thủy sản An Phước	Công ty con
2. Seaprimexco, USA, INC	Công ty con
3. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả:		
Tô Tàn Hoài – Xem thêm mục 5.10	(1.350.000.000)	(1.550.000.000)

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị Công ty	168.000.000	168.000.000
Lương Ban Tổng Giám đốc Công ty	615.252.672	672.500.000
Cộng	<u>783.252.672</u>	<u>840.500.000</u>

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo đánh giá của Tổng Giám đốc Tập đoàn, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Tập đoàn cung cấp, hoặc do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh trong năm của Tập đoàn chủ yếu là từ hoạt động sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản xuất khẩu nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Tỉnh Cà Mau, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

Do vậy, Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh và khu vực địa lý.

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

10. THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Công ty Cổ phần Thủy sản An Phước – Công ty con đã ngừng hoạt động và đang thực hiện thủ tục phá sản theo Quyết định mở thủ tục phá sản số 01/2014/PS-TBTA của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long ngày 17 tháng 11 năm 2014.

Seaprimexco, USA.INC – Công ty con do điều kiện hoạt động kinh tế khó khăn nên đã ngừng hoạt động từ ngày 01 tháng 09 năm 2010.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt và phát hành vào ngày 21 tháng 03 năm 2016.

Cà Mau, 21 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN TRỌNG TÀI

NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG

BÙI NGUYỄN KHÁNH